

KẾ HOẠCH

Cải thiện, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2019 - 2020

Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021;

Trên cơ sở kết quả xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Sóc Trăng năm 2017 do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) công bố;

Nhằm tiếp tục tạo những chuyển biến tích cực về môi trường đầu tư kinh doanh và xếp hạng chỉ số PCI của Tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Kế hoạch cải thiện, nâng cao Chỉ số PCI của tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2019 - 2020 như sau:

I. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ CÁC CÔNG VIỆC THỰC HIỆN

1. Nhóm giải pháp thứ nhất: Tăng cường công tác truyền thông, nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong thực hiện cải thiện và nâng cao chỉ số PCI.

2. Nhóm giải pháp thứ hai: Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

3. Nhóm giải pháp thứ ba: Nâng cao chất lượng đội ngũ thực thi công vụ

4. Nhóm giải pháp thứ tư: Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp.

Phân công nhiệm vụ các Sở, Ban ngành và địa phương thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2019 - 2020 (kèm theo Phụ lục 1).

Phân công các Sở, Ban ngành và địa phương theo dõi, thực hiện cải thiện các chỉ tiêu cơ sở của Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2019 - 2020 (kèm theo Phụ lục 2).

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các Sở, Ban ngành có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố cụ thể các nhiệm vụ, giải pháp và tổ chức thực hiện; định kỳ 6 tháng (ngày 05 tháng 6), năm (trước ngày 05 tháng 12) báo cáo tình hình thực hiện về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, đôn đốc các đơn vị thực hiện Kế hoạch này; định kỳ báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các Sở, Ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- VCCI Cần Thơ;
- Sở, Ban ngành tỉnh;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn;
- Cục Thi hành án dân sự;
- Chi cục Hải quan Sóc Trăng;
- Đơn vị trực thuộc UBND tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp,
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- CVP, các PCVP;
- Lưu: HC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thành Trí



PHỤ LỤC 1

Bảng phân công nhiệm vụ các Sở, Ban ngành và địa phương thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tổng thể nhằm cải thiện, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2019 - 2020
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 08 /KH-UBND ngày 10 /01/2019 của UBND tỉnh Sóc Trăng)

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1. Tăng cường công tác truyền thông, nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong thực hiện cải thiện và nâng cao chỉ số PCI của tỉnh					
1.1	<p>Kịp thời công bố công khai trên Báo, Đài và Cổng thông tin điện tử của đơn vị và của tỉnh các văn bản liên quan đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; ưu tiên cung cấp thông tin cập nhật liên quan đến hoạt động đầu tư và môi trường đầu tư.</p> <p>Công khai, minh bạch các tài liệu về quy hoạch của tỉnh như: Quy hoạch sử dụng đất, Quy hoạch xây dựng, các dự án thu hút đầu tư, các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh.</p> <p>Mở chuyên mục hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư trực tuyến trên cổng thông tin điện tử của từng cơ quan, đơn vị cũng như trên cổng thông tin điện tử của tỉnh để trực tiếp trả lời kiến nghị và hướng dẫn doanh nghiệp, nhà đầu tư giải quyết các thủ tục liên quan.</p> <p>Chủ động thực hiện truyền thông, quảng bá về môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh và các địa phương trong tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng cũng như tại các diễn đàn, hội thảo liên quan đến đầu tư.</p>	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban ngành tỉnh, UBND cấp huyện, Báo Sóc Trăng, Đài PTTH Sóc Trăng	Thường xuyên	

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1.2	Nghiên cứu kết quả xếp hạng Chỉ số PCI hàng năm, phân tích và đưa ra biện pháp cụ thể nhằm tăng điểm số cũng như thứ hạng các chỉ số thành phần gắn trọng số cao.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Thường xuyên	
2. <i>Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh</i>					
2.1	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước, nhất là trong cung cấp các thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với những lĩnh vực có mật độ giao dịch cao với nhà đầu tư, doanh nghiệp.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Thường xuyên	
2.2	Kịp thời rà soát văn bản quy phạm pháp luật, phát hiện các văn bản quy phạm pháp luật có quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp thực tiễn... để tham mưu bãi bỏ, thay thế, sửa đổi, bổ sung và ban hành quy định cho phù hợp với thực tiễn của tỉnh. Tránh tình trạng đưa ra các quy định hành chính theo hướng đảm bảo an toàn thuận lợi cho ngành mình, cấp mình và đẩy toàn bộ rủi ro, khó khăn cho doanh nghiệp, nhà đầu tư.	Các Sở, ban ngành tỉnh,	UBND cấp huyện	Thường xuyên	
2.3	Tổng hợp các kiến nghị, đề xuất của doanh nghiệp, nhà đầu tư gửi đến cơ quan nhà nước; đồng thời chịu trách nhiệm là cơ quan đầu mối tổng hợp trả lời của các sở, ngành, địa phương những kiến nghị, đề xuất của doanh nghiệp, nhà đầu tư.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Thường xuyên	
3. <i>Nâng cao chất lượng đội ngũ thực thi công vụ</i>					

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
3.1	Rà soát, đánh giá lại chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực thi công việc trực tiếp trong công tác giải quyết thủ tục hành chính; xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, kiến thức, tác phong làm việc; có cơ chế giám sát đánh giá hiệu quả công việc một cách minh bạch, đảm bảo ghi nhận công bằng, khen thưởng xứng đáng, kỷ luật nghiêm khắc; xử lý nghiêm cán bộ, công chức, viên chức có hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà và đòi hỏi các chi phí không chính thức đối với các nhà đầu tư, doanh nghiệp.	Sở Nội vụ	Các Sở, ban ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Thường xuyên	
3.2	Thiết lập đa dạng các hình thức tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị của nhà đầu tư, doanh nghiệp (Công khai số điện thoại đường dây nóng trực tiếp lãnh đạo cao nhất của sở ngành, địa phương; cung cấp chức năng đánh giá cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận một cửa trên Cổng dịch vụ công của tỉnh).	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Thường xuyên	
3.3	Xây dựng Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh các Sở, Ban ngành và địa phương DDCL, cho phép tỉnh giám sát, đánh giá hiệu quả và nâng cao được trách nhiệm giải trình của lãnh đạo các sở ngành và địa phương đối với chức năng nhiệm vụ của đơn vị mình.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Quý I/2019	
4. Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp					
4.1	Vận hành, phát huy hiệu quả Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban ngành tỉnh	Thường xuyên	

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
4.2	Duy trì hợp mật, đối thoại doanh nghiệp nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp. Hàng tháng, họp các doanh nghiệp có yêu cầu về khó khăn, vướng mắc để đối thoại với sở ngành và đề xuất Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo tháo gỡ kịp thời.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Hàng năm	
4.3	Duy trì định kỳ tổ chức các buổi gặp gỡ, tiếp xúc doanh nghiệp theo lĩnh vực, địa bàn do đơn vị, địa phương phụ trách, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp ngay tại cơ sở. Trường hợp vượt thẩm quyền thì kịp thời báo cáo lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, giải quyết.	Các Sở, ban ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Các Sở, ban ngành tỉnh	Thường xuyên	
4.4	Triển khai các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho doanh nghiệp, nhà đầu tư như: chính sách ưu đãi đầu tư theo Luật đầu tư, chính sách hỗ trợ đầu tư theo Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh...	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Thường xuyên	
4.5	Nội dung giải quyết kiến nghị tại các cuộc họp mật doanh nghiệp được các sở ngành và địa phương thông báo bằng văn bản sau khi kết thúc; đồng thời đăng công khai trên cổng thông tin điện tử của Sở ngành, địa phương và của tỉnh.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Thường xuyên	

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
4.6	Thực hiện tốt Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp, tránh tình trạng thanh tra chồng chéo và không cần thiết gây cản trở, khó khăn cho hoạt động của doanh nghiệp.	Thanh tra tỉnh	Các Sở, ban ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Thường xuyên	
4.7	Tích cực đồng hành và hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp mới thành lập; quan tâm phát triển dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp (cung cấp thông tin pháp lý, thông tin thị trường, đào tạo kỹ năng quản trị doanh nghiệp, đào tạo lao động, xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại...).	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Thường xuyên	

PHỤ LỤC 2
Bảng phân công theo dõi, thực hiện cải thiện các chỉ tiêu cơ sở
của Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2019 - 2020
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 08 /KH-UBND ngày 10 /01/2019 của UBND tỉnh Sóc Trăng)

STT	Chỉ tiêu cơ sở	Chỉ số thành phần	Cơ quan phối hợp
I	Văn phòng UBND tỉnh		
1	UBND tỉnh năng động, sáng tạo trong giải quyết vấn đề mới phát sinh (%)	Tính năng động của chính quyền tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
2	Lãnh đạo tỉnh sẽ không bao che và nghiêm túc kỷ luật cán bộ những nhiều doanh nghiệp (%)	Thiết chế pháp lý	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Công an tỉnh và các cơ quan liên quan
II	Sở Kế hoạch và Đầu tư		
1	Thời gian đăng ký doanh nghiệp - số ngày (giá trị trung vị)	Gia nhập thị trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
2	Thời gian thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp - số ngày (giá trị trung vị)		Cục Thuế và các cơ quan liên quan
3	Thủ tục (thay đổi) đăng ký doanh nghiệp: Thủ tục được niêm yết công khai (%)		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
4	% doanh nghiệp phải chờ hơn một tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
5	% doanh nghiệp phải chờ hơn ba tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
6	Thủ tục (thay đổi) đăng ký doanh nghiệp: Cán bộ hướng dẫn rõ ràng, đầy đủ (%)		Ban Quản lý các khu công nghiệp, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan

STT	Chỉ tiêu cơ sở	Chỉ số thành phần	Cơ quan phối hợp
7	Thủ tục (thay đổi) đăng ký doanh nghiệp: Cán bộ am hiểu chuyên môn (%)	Gia nhập thị trường	Cục Thuế và các cơ quan liên quan
8	Thủ tục (thay đổi) đăng ký doanh nghiệp: Cán bộ nhiệt tình, thân thiện (%)		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
9	Thủ tục (thay đổi) đăng ký doanh nghiệp: Ứng dụng CNTT tốt (%)		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
10	Tỉ lệ doanh nghiệp làm thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua phương thức mới (trực tuyến, TTHCC, bưu điện (%))		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
11	% doanh nghiệp phải chờ hơn một tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động		Cục Thuế, Sở Tài Nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Công an tỉnh và các cơ quan liên quan
12	Tỉ lệ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ (CCDV) trên tổng số doanh nghiệp (% , TCKT)	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
13	Tỉ lệ doanh nghiệp CCDV tư nhân và FDI trên tổng số doanh nghiệp CCDV (% , TCKT)		
14	Vướng mắc, khó khăn của doanh nghiệp được tháo gỡ kịp thời qua Đối thoại doanh nghiệp (%)	Tính năng động của chính quyền tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
15	Doanh nghiệp nhận được phản hồi của cơ quan nhà nước tỉnh sau khi phản ánh khó khăn, vướng mắc (%)		
16	Tỉ lệ doanh nghiệp hài lòng với phản hồi/cách giải quyết của cơ quan nhà nước tỉnh (%)		
17	Doanh nghiệp FDI được ưu tiên giải quyết các khó khăn hơn doanh nghiệp dân doanh (% đồng ý)	Cạnh tranh bình đẳng	Các Sở ngành có liên quan
18	Doanh nghiệp FDI trong hoạt động nhận được nhiều quan tâm hỗ trợ hơn (% đồng ý)		Các Sở ngành có liên quan
19	Ưu đãi doanh nghiệp lớn (nhà nước và tư nhân) là trở ngại cho bản thân doanh nghiệp (% đồng ý)		Các Sở ngành có liên quan
20	Tính ưu tiên thu hút FDI hơn là phát triển khu vực tư nhân (% đồng ý)		Các Sở ngành có liên quan

STT	Chỉ tiêu cơ sở	Chỉ số thành phần	Cơ quan phối hợp
21	Thái độ của chính quyền tỉnh với khu vực kinh tế tư nhân là tích cực (%)	Cạnh tranh bình đẳng	Các Sở ngành có liên quan
22	Việc tinh ưu ái cho các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) gây khó khăn cho doanh nghiệp (% Đồng ý)		Các Sở ngành có liên quan
III	Sở Nội vụ		
1	Cán bộ công chức thân thiện (%)	Chi phí thời gian	Tất cả các cơ quan chính quyền cấp tỉnh, cấp huyện
2	Các doanh nghiệp cùng ngành thường phải trả thêm các khoản chi phí không chính thức (% đồng ý)	Chi phí không chính thức	
3	Tỉ lệ doanh nghiệp phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức (%)		
4	Tình trạng những nhiễu khi giải quyết TTHC cho doanh nghiệp là phổ biến (% đồng ý)		
5	Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả chi phí không chính thức (% luôn luôn/hầu hết)		
6	Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được (% đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)		
IV	Sở Tài nguyên và Môi trường		
1	Thời gian chờ đợi để được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất	Tiếp cận đất đai	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
2	Sự thay đổi khung giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường		Sở Tài chính và các cơ quan liên quan
3	% doanh nghiệp có mặt bằng kinh doanh (vốn là tài sản của cá nhân/gia đình hoặc do Nhà nước giao, có thu tiền sử dụng đất hoặc doanh nghiệp nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất) và có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất		Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan

STT	Chỉ tiêu cơ sở	Chỉ số thành phần	Cơ quan phối hợp	
4	% doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai trong vòng 02 năm nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục	Tiếp cận đất đai	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan	
5	Nếu bị thu hồi đất, doanh nghiệp sẽ được bồi thường thỏa đáng		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan	
6	Doanh nghiệp đánh giá rủi ro bị thu hồi đất		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan	
7	% diện tích đất trong tỉnh có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan	
8	Doanh nghiệp không gặp cản trở về tiếp cận/mở rộng mặt bằng kinh doanh		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan	
9	% Doanh nghiệp có nhu cầu được cấp GCN QSDĐ nhưng không có do thủ tục hành chính rườm rà/lo ngại cán bộ những nhiều		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan	
10	Việc cung cấp thông tin về đất đai không thuận lợi, nhanh chóng (%)		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan	
11	Giải phóng mặt bằng chậm (%)		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan	
12	Khó khăn về thiếu quỹ đất sạch (%)		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan	
13	Thuận lợi trong tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế nhà nước		Cạnh tranh bình đẳng	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
14	Thuận lợi trong tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp FDI			
15	Doanh nghiệp FDI thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (% đồng ý)			
V	Sở Công Thương			

STT	Chỉ tiêu cơ sở	Chỉ số thành phần	Cơ quan phối hợp
1	Doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ nhà cung cấp tư nhân dành cho dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường	Hỗ trợ doanh nghiệp	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
2	Doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ xúc tiến thương mại		
3	Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm thông tin thị trường		
4	Doanh nghiệp đã từng sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại		
5	Doanh nghiệp đã từng sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường		
6	Số hội chợ thương mại do tỉnh tổ chức trong năm trước hoặc đăng ký tổ chức trong năm nay		
7	Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại		
VI	Sở Tư pháp		
1	Tiếp cận tài liệu pháp lý	Tỉnh minh bạch	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
2	Khả năng có thể dự đoán được trong thực thi của tỉnh đối với quy định pháp luật của trung ương		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
3	Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho việc tư vấn về pháp luật	Hỗ trợ doanh nghiệp	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
4	Doanh nghiệp đã từng sử dụng dịch vụ tư vấn về pháp luật		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
5	Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
6	Doanh nghiệp tin tưởng vào khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng	Thiết chế pháp lý	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan

STT	Chỉ tiêu cơ sở	Chỉ số thành phần	Cơ quan phối hợp
7	Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp doanh nghiệp tố cáo hành vi tham nhũng của cán bộ	Thiết chế pháp lý	Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan
8	Các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp dùng luật để khởi kiện khi có tranh chấp		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
VII	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		
1	Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ về quản trị kinh doanh	Hỗ trợ doanh nghiệp	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
2	Doanh nghiệp đã từng sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
3	Doanh nghiệp đã từng sử dụng dịch vụ nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
4	Doanh nghiệp đã từng sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm	Đào tạo lao động	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
5	Doanh nghiệp đã từng sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ giới thiệu việc làm		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
6	% tổng chi phí kinh doanh dành cho tuyển dụng lao động		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
7	Mức độ hài lòng với lao động		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
8	Dịch vụ do các cơ quan nhà nước tại địa phương cung cấp: Dạy nghề		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
9	Tỉ lệ lao động tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đào tạo nghề ngắn hạn và dài hạn trên tổng lực lượng lao động		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
10	Tỉ lệ % số lao động của doanh nghiệp đã hoàn thành các khóa đào tạo tại các trường dạy nghề		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
11	Tổng số chi phí kinh doanh dành cho đào tạo lao động		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan

STT	Chỉ tiêu cơ sở	Chỉ số thành phần	Cơ quan phối hợp
12	Tỉ lệ người lao động tốt nghiệp trường cao đẳng nghề/số lao động chưa qua đào tạo	Đào tạo lao động	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
13	Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
14	Doanh nghiệp đã từng sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%)		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
15	Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%)		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
16	Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%)		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
VIII Sở Khoa học và Công nghệ			
1	Doanh nghiệp đã từng sử dụng dịch vụ liên quan đến công nghệ	Hỗ trợ doanh nghiệp	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
2	Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ liên quan đến công nghệ		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
3	Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ liên quan đến công nghệ		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
IX Sở Tài chính			
	Các tài liệu về ngân sách đủ chi tiết để doanh nghiệp sử dụng cho hoạt động kinh doanh (% đồng ý)	Hỗ trợ doanh nghiệp	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
X Sở Thông tin và Truyền thông			
1	Ứng dụng công nghệ thông tin tại bộ phận Một cửa	Già nhập thị trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
2	Điểm số về độ mở và chất lượng trang web của tỉnh	Tỉnh minh bạch	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
XI Sở Giáo dục và Đào tạo			

STT	Chỉ tiêu cơ sở	Chỉ số thành phần	Cơ quan phối hợp
	Dịch vụ do các cơ quan nhà nước tại địa phương cung cấp: Giáo dục phổ thông	Đào tạo lao động	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
XII	Thanh tra tỉnh		
1	Số cuộc thanh tra/kiểm tra trung vị	Chi phí thời gian	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
2	Số giờ trung vị làm việc với thanh tra, kiểm tra, thuế		Cục Thuế và các cơ quan liên quan
3	Công việc đạt kết quả mong đợi sau khi đã trả chi phí không chính thức	Chi phí không chính thức	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
4	% doanh nghiệp phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
5	Hiện tượng nhũng nhiễu khi giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp là phổ biến		Tất cả các cơ quan chính quyền cấp tỉnh, cấp huyện
6	Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
7	Các doanh nghiệp cùng ngành thường phải trả thêm các khoản chi phí không chính thức		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
XIII	Cục Thuế		
1	Thương lượng với cán bộ thuế là phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh	Tính minh bạch	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
2	Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp FDI	Cạnh tranh bình đẳng	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
XIV	Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh quan tâm thực hiện		
1	Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng	Thiết chế pháp lý	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
2	Phán quyết của tòa án là công bằng		UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan

STT	Chỉ tiêu cơ sở	Chỉ số thành phần	Cơ quan phối hợp
6	Thông tin mời thầu được công khai (%)	Tỉnh minh bạch	Các Sở ban ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố có liên quan theo chức năng nhiệm vụ triển khai thực hiện
7	Có những sáng kiến hay ở cấp tỉnh nhưng chưa được thực thi tốt ở các Sở/ ngành (%)		
8	Lãnh đạo tỉnh có chủ trương đúng, nhưng chưa được thực hiện tốt ở cấp huyện/thị (%)		
9	Khi chính sách pháp luật Trung ương có điểm chưa rõ, chính quyền tỉnh thường “đợi xin ý kiến chỉ đạo”/“không làm gì cả”		
10	Thủ tục giấy tờ đơn giản (%)		
11	Thời gian thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) được rút ngắn hơn so với quy định (%)		